

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05-6-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thu Cúc;

Bà Trịnh Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: ông Nông Ngọc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn S, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn S, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn X là người cùng thôn nên được hai bên gia đình mai mối và tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Chị Nguyễn Thị A xác định, dù kết hôn trên cơ sở mai mối nhưng anh chị được tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 02/11/1997. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn S, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2019, do kinh tế khó khăn nên chị đi làm ở địa phương khác để kiếm tiền đóng học cho các con, nhưng anh Nguyễn Văn X ở nhà không phụ giúp mà bỏ mặc cho chị trang trải, đến năm 2022 thì tình trạng vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và từ đó vợ chồng sống ly thân. Mặt khác, trong thời kỳ hôn nhân, chị đã phát sinh tình cảm với người đàn ông khác và đã sinh được hai người con riêng, hiện chưa đăng ký khai sinh. Do đó, chị xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn quan tâm đến nhau và bản thân chị không còn tình cảm với anh Nguyễn Văn X nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên Nguyễn Trung C, sinh ngày 18/7/2000 và cháu bé tên Nguyễn Thị Linh H, sinh ngày 15/6/2004, hai con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với hai cháu sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nhưng không phải là con của anh Nguyễn Văn X, cháu trai thứ nhất chưa đặt tên, sinh ngày 11/01/2023; cháu trai thứ hai, tên dự định là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 21/02/2025. Trong đơn khởi kiện chị không thể hiện nội dung này vì xác định là con riêng của chị, quá trình giải quyết vụ án, được Tòa án giải thích theo quy định pháp luật nên khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu và không yêu cầu anh Nguyễn Văn X phải cấp dưỡng nuôi con. Chị sẽ yêu cầu xác nhận cha cho con bằng vụ việc khác.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn X đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: về quan hệ hôn nhân, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn X. Về con chung, căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu trai sinh ngày 11/01/2023 theo giấy chứng sinh ngày 11/01/2023, số 02, quyển số 01 của Bệnh viện đa khoa huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và cháu trai sinh ngày 21/02/2025 tên dự định là Nguyễn

Văn Q theo giấy chứng sinh ngày 21/02/2025, số 65, quyển số 01 của Bệnh viện đa khoa huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nguyễn Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài liệu do nguyên đơn chị Nguyễn Thị A cung cấp gồm: giấy khai sinh của anh Nguyễn Trung C, chị Nguyễn Thị Linh H (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn số 21 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 02/11/1997 (bản sao); xác nhận thông tin về cư trú ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Công an xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (bản chính); bản tự khai của chị Nguyễn Thị A và các tài liệu liên quan đến hai con trai.

Tài liệu do Tòa án thu thập được: biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị A và các tài liệu liên quan đến việc triệu tập bị đơn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn X không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Nguyễn Văn X vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Nguyễn Văn X đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: theo đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, xác định bị đơn anh Nguyễn Văn X có nơi đăng ký thường trú tại thôn S, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, do đó Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/11/1997 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình gặp khó khăn, chị Nguyễn Thị A phải đi kiếm tiền tại địa phương khác, trong thời gian này, vợ

chồng sống ly thân và chị Nguyễn Thị A đã ngoại tình với người đàn ông khác, sinh được hai người con. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trầm trọng do tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung:

[4.1] Theo Giấy khai sinh có trong hồ sơ vụ án, xác định chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn X có hai con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.2] Đối với hai cháu trai chưa đăng ký khai sinh, cháu thứ nhất chưa đặt tên, sinh ngày 11/01/2023 theo giấy chứng sinh ngày 11/01/2023, số 02, quyền số 01 của Bệnh viện đa khoa huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và cháu trai thứ hai, sinh ngày 21/02/2025, tên dự định là Nguyễn Văn Q theo giấy chứng sinh ngày 21/02/2025, số 65, quyền số 01 của Bệnh viện đa khoa huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Nguyễn Thị A khẳng định hai cháu trai này là con riêng của chị với người đàn ông khác, không phải con của anh Nguyễn Văn X, chị là người chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp các cháu từ khi sinh ra nên khi ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu, không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tuy chị Nguyễn Thị A xác định hai cháu trai không phải là con chung của vợ chồng nhưng được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân và chưa có căn cứ kết luận cha của các cháu nên cần xác định là con chung của chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn X theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình, mặt khác do 02 cháu đều dưới 36 tháng tuổi, do đó yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên nguyên đơn là dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

[8] Quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp về nội dung của vụ án, có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 88; các Điều 19, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ **điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị** quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Anh . Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

2. Về con chung: giao cháu trai sinh ngày 11/01/2023 theo giấy chứng sinh ngày 11/01/2023, số 02, quyển số 01 của Bệnh viện đa khoa huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và cháu trai sinh ngày 21/02/2025 tên dự định là Nguyễn Văn Q theo giấy chứng sinh ngày 21/02/2025, số 65, quyển số 01 của Bệnh viện đa khoa huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị A được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9, 46 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Thị Hương Giang